
ESG TRONG MÔI TRƯỜNG BẤT ĐỊNH COVID-19: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Ngọc Hùng

Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Email: tranngochung@iuh.edu.vn

Mã bài: JED-900
Ngày nhận bài: 10/09/2022
Ngày nhận bài sửa: 13/10/2022
Ngày duyệt đăng: 24/03/2023
Mã DOI: 10.33301/JED.VI.900

Tóm tắt

Đại dịch Covid-19 đã gây nhiều khó khăn, tổn thất về người, kinh tế cho các doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Tuy nhiên, thống kê cho thấy doanh nghiệp nào theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, công bố các chỉ tiêu ESG (Environmental – môi trường, Social – xã hội, Governance – quản trị) trong nhiều năm qua luôn thu hút được sự đồng hành của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó doanh nghiệp cũng đã thể hiện khả năng thích ứng và tự tạo ra được “kháng thể” trước đại dịch; duy trì ổn định hoạt động và tăng trưởng trong kinh doanh, đóng góp tích cực trong việc thực hiện mục tiêu kép. Nghiên cứu này nhằm nhận diện rõ thực trạng công bố các chỉ tiêu ESG trong báo cáo phát triển bền vững hiện nay tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch tại Việt Nam, từ đó đưa ra các gợi ý chính sách về giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện công bố các chỉ tiêu ESG trong thời gian tới.

Từ khóa: Báo cáo phát triển bền vững, Covid-19, doanh nghiệp niêm yết, ESG.

Mã JEL: M14, M40, M41, M42

ESG Disclosure in Unstable environment of Covid-19 Pandemic: Empirical Research in Listed Companies in Vietnamese Stock Exchanges

Abstract

The COVID-19 pandemic has caused many difficulties and losses in life and the economy for enterprises in Vietnam as well as around the world. However, statistics from listed companies show that companies pursuing a sustainable development strategy and disclosing ESG criteria for many years always attract the companionship of both domestic and foreign investors. Besides, enterprises have also shown resilience, adaptive ability, and self-created “antibodies” before the pandemic; maintaining operational stability and growth in business, positively contributing to the realization of dual goals. This study aims to clearly identify the current status of disclosure of ESG for sustainable development reports in listed companies on stock exchanges in Vietnam. And then, some suggested solutions are made for creating favorable conditions for the disclosure of ESG of the Sustainable Development Reports in the coming future.

Keywords: Sustainable development reports, Covid-19, listed enterprises, ESG.

JEL Codes: M14, M40, M41, M42

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi bùng phát đại dịch Covid-19 cho đến gần cuối tháng 4 năm 2022, virus Covid-19 đã lây nhiễm cho hơn 510 triệu người và gây ra cái chết của hơn 6,2 triệu người trên toàn thế giới. Kể từ khi bắt đầu đại dịch cho đến nay, cuộc khủng hoảng sức khỏe toàn cầu liên quan đến Covid-19 vẫn chưa chắc chắn khi nào sẽ kết thúc. Mặc dù một chiến dịch tiêm chủng toàn cầu đã bắt đầu từ tháng 1 năm 2021, hệ lụy của đại dịch đã và vẫn còn thảm khốc, cả về mặt xã hội và kinh tế, bao gồm các trường hợp tử vong do đại dịch gây ra, tình trạng mất việc làm và công ty phá sản, nợ khu vực công gia tăng, chuỗi cung ứng toàn cầu bị phá vỡ và các vấn đề sức khỏe tâm thần liên quan đến các chính sách cấm vận trong số những chính sách khác (Brammer & cộng sự, 2020). Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, mặc dù được đánh giá cao khi trong năm 2020 Việt Nam đã duy trì được mức tăng trưởng GDP dương 2.9%, nhưng năm 2021 ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, chỉ đạt 2.58%. Bên cạnh đó, doanh nghiệp và người lao động Việt Nam cũng đã và đang phải đối mặt với những khó khăn như sụt giảm nguồn thu, hàng hóa không xuất khẩu được cũng như tiêu thụ nội địa giảm, hoạt động sản xuất kinh doanh vận hành dưới mức trung bình. Từ đó buộc doanh nghiệp phải áp dụng những giải pháp nhằm giải quyết, khắc phục và vượt qua những khó khăn như cắt giảm chi phí hoạt động thường xuyên, giảm quy mô sản xuất, chuyển đổi mô hình hoặc thậm chí tạm ngừng sản xuất kinh doanh, dẫn đến việc giảm mạnh số giờ làm việc, giảm thu nhập và tình trạng thất nghiệp cũng như hệ lụy đi kèm ... tại Việt Nam (Phạm Hồng Chương & cộng sự, 2020; Nguyễn Thị Minh Hằng, 2020).

Trên thế giới, từ lâu các tiêu chí về ESG đã được đưa vào làm tiêu chuẩn đánh giá khi cân nhắc đầu tư vào doanh nghiệp. Xu hướng các dòng vốn FDI lựa chọn các doanh nghiệp đạt tiêu chí ESG bên cạnh khả năng thể hiện về năng lực quản trị tài chính truyền thống đã không còn lạ lẫm, điều này thể hiện yêu cầu ngày càng cao về trách nhiệm xã hội của cộng đồng doanh nghiệp nói chung. Kể từ năm 2017 cho đến nay, các tổ chức như Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Liên minh châu Âu (EU) đang thực hiện và kiên trì theo đuổi các tiêu chuẩn ESG (gắn với biến đổi khí hậu và các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc). Tại Việt Nam, các tiêu chí ESG mới chỉ được đề cập gần đây khi xu hướng về phát triển bền vững ngày càng được quan tâm.

Các chỉ tiêu ESG dựa trên ba trụ cột gồm môi trường, xã hội và quản trị, đề cập tới nhiều tiêu chí cụ thể mà các doanh nghiệp phải đáp ứng. Về tiêu chí môi trường, ESG đề cập đến các vấn đề như biến đổi khí hậu, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm, thiết kế thân thiện sinh thái, đổi mới sáng tạo. Đối với tiêu chí xã hội, ESG đề cập đến sức khỏe lao động, an toàn, sự đa dạng, quan hệ cộng đồng, từ thiện. Và cuối cùng đối với tiêu chí quản trị, ESG đề cập đến các vấn đề liên quan đến quyền cổ đông, cơ cấu thành phần và sự đa dạng của hội đồng quản trị, lương ban quản trị, gian lận và hối lộ.

Kể từ khi đại dịch Covid-19 xuất hiện đã đẩy nhanh hơn xu hướng đầu tư dựa trên các tiêu chí ESG thay vì chỉ dựa trên các chỉ tiêu tài chính truyền thống (Credit Suisse, 2020). Cùng với những biến động này là các nhà đầu tư đã chuyển số tiền kỷ lục vào quỹ ESG nhằm tập trung vào việc cải thiện môi trường và thúc đẩy lợi ích xã hội. Theo Morningstar (công ty nghiên cứu đầu tư của Mỹ) ước tính có khoảng 120 tỷ Mỹ kim được đổ vào các khoản đầu tư bền vững vào năm 2021, tăng gấp đôi so với 51,1 Mỹ kim mà các quỹ ESG thu được vào năm 2020 và thiết lập một kỷ lục hàng năm liên tiếp mới. Xu hướng tăng này được dự báo sẽ tiếp tục, phản ánh nhu cầu của những nhà đầu tư - những người chú trọng nhiều hơn vào vốn con người và môi trường - đối với việc tích hợp ESG trong các doanh nghiệp, sự gia tăng các chính sách về biến đổi khí hậu... tất cả đều góp phần vào sự thay đổi dòng tiền này. Tại Việt Nam, khi các quỹ tìm hiểu và đầu tư vào các công ty đại chúng, các tiêu chí ESG ít nhiều đều được xem xét. Quỹ Tundra Frontier ngay từ khi thành lập từ tháng 5 năm 2014 đã tập trung vào đầu tư ESG. Một năm sau đó quỹ Dragon Capital đã cải tiến chính sách ESG và phát triển khung đánh giá ESG dành cho các công ty niêm yết. Mới đây nhất, quỹ AFC Vietnam Fund cũng đã ra thông báo về việc sẽ bắt đầu áp dụng 8 tiêu chí ESG khi xem xét đánh giá về các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp kể từ thời điểm năm 2021. Về phía Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 7/2017 đã có những động thái khuyến khích các doanh nghiệp niêm yết trên sàn áp dụng tiêu chí ESG, bằng cách đưa ra chỉ số phát triển bền vững Việt Nam (Sustainability Index - VNSI). Dựa vào đó các chỉ số đó và đối chiếu với các công bố trong báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp nhằm chọn ra 20 doanh nghiệp có chỉ số thực hành ESG tốt nhất.

Trong bối cảnh đại dịch hiện nay, việc ngày càng có nhiều doanh nghiệp nói chung và công ty đại chúng nói riêng hoạt động và công bố thông tin theo tiêu chuẩn ESG, trong đó đề cao sự chia sẻ với các bên có liên quan (người lao động, cộng đồng xã hội) càng thật sự cần thiết. Việc này giúp làm giảm bớt những khó khăn, gánh nặng của xã hội nói chung và người lao động nói riêng khi nền kinh tế đang trải qua nhiều khó khăn trong đại dịch Covid-19 vì phải giãn cách xã hội, bị tác động bởi những đứt gãy chuỗi cung ứng, làm cho thu nhập của hầu hết người lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện và công bố các tiêu chí ESG, nhằm ứng phó để phục hồi sau với đại dịch Covid-19; từ đó rút ra các bài học tham khảo cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung cũng như đưa ra các hàm ý chính sách để phát triển việc áp dụng ESG tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết

Khi cân nhắc quyết định đầu tư, bên cạnh các hoạt động tài chính thì các hoạt động phi tài chính có liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (corporate social responsibility - CSR) ngày càng thu hút được sự quan tâm và chú ý không chỉ của các nhà đầu tư mà còn của các bên có liên quan. Hiệu quả hoạt động xã hội của doanh nghiệp (corporate social performance - CSP) thường được vận hành và đánh giá bởi các yếu tố được gọi là yếu tố ESG (Gramlich & Finster, 2013). Giả định rằng khi một doanh nghiệp có CSP cao sẽ có tiềm năng làm tăng giá trị của doanh nghiệp đó bằng cách tăng hiệu quả hoạt động tài chính (corporate financial performance - CFP) như giảm chi phí vốn (Plumlee & cộng sự, 2015). Do đó, nếu coi rủi ro doanh nghiệp là một yếu tố quan trọng quyết định đến giá vốn, thì CSP có tác động đến giá trị của cổ đông nếu nó ảnh hưởng đến rủi ro doanh nghiệp (Bouslah & cộng sự, 2013). Trong bối cảnh đó, việc tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược phù hợp với khái niệm tổng thể về quản trị rủi ro. Khái niệm này kết hợp quản lý rủi ro ở cấp độ vĩ mô và vi mô, với cấp độ vĩ mô tập trung vào các yêu cầu CSR của xã hội và cấp độ vi mô về rủi ro tài chính và hoạt động.

Lý thuyết quản lý rủi ro (Godfrey, 2005) cũng gợi ý thêm rằng ngay cả trong thời kỳ khủng hoảng, CSP của một doanh nghiệp có thể tạo ra vốn đạo đức (moral capital) tích cực giữa các bên liên quan khác nhau có thể cung cấp sự bảo vệ (như một hình thức bảo hiểm – insurance-like) cho doanh nghiệp. Godfrey (2005) tuyên bố rằng vốn đạo đức này được tạo ra bởi đánh giá tích cực về CSP của một doanh nghiệp từ các bên liên quan do họ nắm bắt được những đóng góp tích cực của doanh nghiệp, và điều này ảnh hưởng tích cực đến thái độ và lòng trung thành của khách hàng, đối tác cũng như của nhân viên (Luo & Bhattacharya, 2009). Điều này sẽ làm giảm bớt các biện pháp trừng phạt của các bên liên quan đối với doanh nghiệp trong trường hợp xảy ra khủng hoảng, làm cho dòng tiền trong tương lai ít biến động hơn, và do đó giảm thiểu rủi ro (Chang & cộng sự, 2014). Trong bối cảnh này, sự tham gia của CSR, tương ứng với vốn đạo đức, tạo ra một cơ chế duy trì giá trị kinh tế. Godfrey & cộng sự (2009) đề xuất và củng cố lý thuyết này bằng các nghiên cứu thực nghiệm, qua đó cho thấy rằng việc mất giá trị của cổ đông trong bối cảnh phát sinh một sự kiện tiêu cực là nhỏ hơn đối với các doanh nghiệp có tham gia vào các hoạt động CSR.

Lý thuyết về các bên liên quan thường được sử dụng để giải thích tác động tích cực của CSP đối với giá trị doanh nghiệp. Nó tuyên bố rằng nhu cầu của các bên liên quan, không chỉ cổ đông, phải được tích hợp vào quản trị doanh nghiệp, bởi vì đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan này trực tiếp tạo ra giá trị cho các cổ đông (Freeman, 2010). Trên cơ sở lý thuyết của các bên liên quan, có thể lập luận rằng mức độ CSP cao có liên quan đến rủi ro tài chính thấp hơn. Trong khi mức độ CSP thấp khiến cho doanh nghiệp có khả năng đối mặt với các tình huống kiện tụng và hình phạt pháp lý cao hơn, thì mức độ CSP cao có thể thúc đẩy mối quan hệ ổn định hơn với chính phủ và cộng đồng tài chính. Hơn nữa, những người tham gia thị trường sẵn sàng phân bổ vốn nhiều hơn cho các doanh nghiệp có mức CSP cao hơn, do đó nếu thực hiện tốt CSR có thể làm gia tăng sự thu hút vốn đầu tư (Cheng & cộng sự, 2014). CSP tốt hơn có thể nâng cao danh tiếng, nâng cao giá trị thương hiệu, cũng như cải thiện hình ảnh sản phẩm trong suy nghĩ người tiêu dùng. Ngoài ra, CSR có thể làm tăng sức hấp dẫn của doanh nghiệp với tư cách là người sử dụng lao động và giúp thu hút và giữ chân lực lượng lao động chất lượng cao (Greening & Turban, 2000). Một doanh nghiệp có chỉ số CSP tốt cũng có thể được coi là tín hiệu cho các kỹ năng quản lý vượt trội. Một cách tổng quát, những phát hiện nghiên cứu này cho thấy rằng CSP tốt hơn dẫn đến việc doanh nghiệp ít đối mặt với rủi ro tài chính hơn và do đó, mức độ rủi ro thị trường chứng khoán thấp hơn và khả năng xảy ra khủng hoảng thấp hơn (Oikonomou & cộng sự, 2012).

Khi xem xét các vấn đề ESG trong hoạt động đầu tư, các nhà đầu tư thường cân nhắc các chỉ số phi tài chính dựa trên các lý thuyết từ hai lĩnh vực liên quan khác, đó là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và đầu tư có trách nhiệm xã hội (SRI). Lý thuyết về CSR có liên quan vì nó tìm cách giải thích lý do tại sao doanh nghiệp theo đuổi các mục tiêu phi tài chính, và lĩnh vực của SRI có liên quan chặt chẽ hơn vì nó xem xét đầu tư vào các công ty có chỉ số hoạt động CSR cao. Tuy nhiên điều quan trọng là phải xác định rõ sự khác biệt giữa SRI và đầu tư ESG, đặc biệt là các quy ước đặt tên có phần hơi nhầm lẫn trong lĩnh vực này (Eccles & Viviers, 2011). Định nghĩa được chấp nhận rộng rãi về SRI là một phong cách đầu tư kết hợp các mục tiêu tài chính với các mục tiêu xã hội và môi trường (Sparkes, 2001). Do đó, đầu tư ESG tránh được câu hỏi hóc búa về mặt pháp lý về việc xem xét các yếu tố xã hội hoặc môi trường liệu có phù hợp với lợi ích tốt nhất của người thụ hưởng hay không, vì trọng tâm cốt lõi của nó là tài chính và do đó, hợp lý về mặt kinh tế. Thuật ngữ này cũng tránh các phán đoán dựa trên giá trị nhất thiết phải có trong SRI, cũng như ngụ ý rằng các khoản đầu tư bị tránh là “vô trách nhiệm” (Gray, 2012). Người ta đã đề xuất rằng lý thuyết các bên liên quan cung cấp nền tảng để hiểu các mối quan hệ CSR của một doanh nghiệp. Từ quan điểm của các bên liên quan, các công ty tham gia vào CSR để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan khác nhau (Cotter & cộng sự, 2011; Varenova & cộng sự, 2013), điều này sẽ dẫn đến cải thiện hiệu quả tài chính (Endrikat & cộng sự, 2014). Miễn là các bên nắm giữ hợp pháp, họ đủ quyền lực để yêu cầu phải đáp ứng các yêu cầu của họ và nếu vấn đề họ yêu cầu cấp bách hơn các vấn đề khác, thì doanh nghiệp sẽ phải tham gia vào CSR để thỏa mãn các bên liên quan. Áp dụng lý thuyết của các bên liên quan vào đầu tư ESG có nghĩa là quỹ đầu tư sẽ theo đuổi phân tích ESG nếu các bên liên quan thúc đẩy làm như vậy.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài báo, khi nghiên cứu về các vấn đề lý luận có liên quan, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính (cụ thể là phương pháp nghiên cứu tình huống hay còn gọi là phương pháp nghiên cứu điển hình). Qua đó thực trạng lập báo cáo và công bố các chỉ tiêu ESG hiện nay trong các doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam sẽ được tác giả tìm hiểu, đánh giá một cách toàn diện và có chiều sâu. Tác giả thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin từ các nguồn dữ liệu thứ cấp như các bài báo nghiên cứu khoa học, giáo trình, tạp chí kinh tế, luận văn, luận án ... để từ đó hệ thống lý luận về các vấn đề liên quan đến lập báo cáo và công bố các chỉ tiêu ESG. Ngoài ra, tác giả còn tổng hợp các báo cáo phát triển bền vững trong hai năm 2020 -2021 của các doanh nghiệp tiêu biểu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam để xem xét thực trạng công bố báo cáo các chỉ tiêu ESG trong báo cáo phát triển bền vững. Dựa trên kết quả thu được tác giả sẽ đưa ra lời giải thích, nhận xét về thực trạng công bố các chỉ tiêu ESG trong báo cáo phát triển bền vững hiện nay tại các doanh nghiệp tiêu biểu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam cũng như những khó khăn, vướng mắc khi vận dụng. Từ đó sẽ giúp rút ra được các bài học kinh nghiệm và dựa vào đó để đề xuất các giải pháp phù hợp cho các giai đoạn triển khai việc công bố các chỉ tiêu ESG trong báo cáo phát triển bền vững nói chung.

Hiện nay, điều kiện để doanh nghiệp được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE được đánh giá là khá khế nhất trong ba sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên vì tính minh bạch cao cũng như sự tuân thủ các quy định về kế toán - kiểm toán cũng góp phần làm cho các doanh nghiệp niêm yết được đánh giá cao trong mắt nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước, đặc biệt là các nhà đầu tư (tổ chức và cá nhân) đến từ các quốc gia phát triển như Châu Âu, Mỹ ..., luôn đề cao việc cải thiện môi trường và thúc đẩy lợi ích xã hội. Do đó bên cạnh báo cáo tài chính việc công bố các báo cáo phát triển bền vững không chỉ góp phần làm tăng niềm tin của các nhà đầu tư, cải thiện giá trị thương hiệu, thu hút khách hàng mới mà còn thu hút và giữ chân nhân tài hàng đầu.

Trong nghiên cứu này tác giả tập trung phân tích về tình hình công bố các chỉ số ESG của một số doanh nghiệp trong Top 10 làm báo cáo phát triển bền vững tốt nhất qua hai năm 2020-2021, với một đặc điểm chung là bất chấp đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp này đều vượt qua khủng hoảng thậm chí tăng trưởng tốt trong giai đoạn dịch bệnh. Để lọt được vào danh sách những doanh nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam trong 2020 - 2021, báo cáo của các doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ bộ tiêu chí CSI trên 4 lĩnh vực của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Hơn nữa các doanh nghiệp này đều lọt vào danh sách đánh giá phát triển bền vững (Sustainability Index – VNSI) từ HOSE và đạt tổng điểm đánh giá Môi trường - Xã hội – Quản trị là 80%, cao hơn mức 60% của trung bình ngành. Ngoài ra bên cạnh việc lập báo cáo phát triển bền vững riêng, các doanh nghiệp đó còn chủ động áp dụng các bộ chỉ số theo Bộ tiêu chuẩn

GRI và các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (Ấn tượng Top 10 doanh nghiệp làm báo cáo phát triển bền vững tốt nhất, 2020).

4. Kết quả và thảo luận

Trong báo cáo phát triển bền vững các năm 2020, 2021, Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) cam kết tiếp tục giữ vững động lực phát triển vì tương lai tốt đẹp – tăng trưởng đi đôi với phát triển bền vững, tạo thêm nhiều giá trị cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Ba trụ cột chính của doanh nghiệp được xác định là thiên nhiên, con người và sản phẩm. Báo cáo phát triển bền vững của Vinamilk được lập theo Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo toàn cầu về lập báo cáo Phát triển bền vững (GRI Standards) được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016, điều chỉnh năm 2018 và 2020 (phiên bản mới nhất về lập Báo cáo phát triển bền vững). Ngoài ra Vinamilk còn chủ động trình bày thêm một số chỉ tiêu được khuyến khích công bố bổ sung theo hướng dẫn của GRI dành riêng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm (GRI Food Processing). Bên cạnh đó, các mục tiêu và hoạt động chiến lược trong định hướng của Vinamilk được trình bày trong báo cáo này cũng gắn với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development), Khung Phát triển Bền vững ngành sữa (DSF) và Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hiệp Quốc (UNGC). Các chỉ tiêu ESG được thể hiện qua ba lĩnh vực chính là kinh tế, xã hội và môi trường, cụ thể:

Về kinh tế (G) bao gồm hai phần, phần một thể hiện hiệu quả hoạt động kinh tế qua báo cáo các lĩnh vực trọng yếu về tăng trưởng bền vững, giá trị mang lại cho cổ đông và nhà đầu tư, giá trị mang lại cho chính phủ, lương và phúc lợi nhân viên; và phần hai thể hiện tác động kinh tế gián tiếp thể hiện qua giá trị giao dịch với nhà cung cấp, tạo việc làm bền vững và phát triển kinh tế địa phương. Trong phần một các lĩnh vực trọng yếu được phản ánh qua các chỉ tiêu như tổng doanh thu hợp nhất, lợi nhuận sau thuế hợp nhất, giá trị chi trả cho cổ đông và nhà đầu tư, đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua thuế và các khoản phúc lợi cho nhân viên. Phần hai được phản ánh qua các chỉ tiêu giá trị giao dịch với nhà cung cấp, việc làm tạo ra tại Vinamilk và lượng sữa thu mua từ hộ nông dân.

Về xã hội (S) bao gồm hai phần, phần một thể hiện số liệu về lao động và việc làm qua các lĩnh vực trọng yếu như lương thưởng và phúc lợi, gắn kết và trung thành, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, đào tạo và phát triển, đa dạng, bình đẳng và trao đổi mở và quan hệ lao động; và phần hai báo cáo về trách nhiệm sản phẩm thể hiện qua các lĩnh vực về sản phẩm an toàn và chất lượng, thông tin ghi nhãn minh bạch, truyền thông và tiếp thị có trách nhiệm và thỏa mãn khách hàng.

Về môi trường (E) bao gồm sáu phần, phản ánh các khía cạnh bao gồm nguyên vật liệu, năng lượng, đất, nước, chất thải và nước thải và phát thải. Phần một thể hiện số liệu về nguồn nguyên vật liệu bền vững và kinh tế tuần hoàn, được phản ánh qua hai chỉ tiêu gồm sáng kiến giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng trong sản xuất và chăn nuôi và giá trị tiết kiệm từ các sáng kiến trong sản xuất. Phần hai thể hiện số liệu về sử dụng năng lượng hiệu quả công nghệ hiện đại 4.0 và năng lượng xanh, được phản ánh qua ba chỉ tiêu gồm năng lượng tiêu hao/ tấn sản phẩm, % tỷ lệ CNG/ tổng năng lượng sử dụng trong sản xuất và % tỷ lệ Biomass/ tổng năng lượng sử dụng trong sản xuất. Phần ba thể hiện số liệu về lĩnh vực quản lý nguồn đất bền vững, thể hiện qua chỉ tiêu giá trị trồng cây tạo mảng xanh và chống xói mòn. Phần bốn thể hiện số liệu về lĩnh vực sử dụng nguồn nước có trách nhiệm, hiệu quả và tuần hoàn, thể hiện qua hai chỉ tiêu % tỷ lệ nước thu hồi trong sản xuất và % nước sử dụng/ tấn sản phẩm. Phần năm thể hiện số liệu về lĩnh vực kiểm soát nước thải, chất thải và kinh tế tuần hoàn thể hiện qua bốn chỉ tiêu tổng lượng nước thải theo nguồn, tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý, tổng lượng nước tiêu thụ và sự có liên quan đến môi trường. phần sáu thể hiện số liệu về lĩnh vực giảm lượng khí thải CO₂ và ứng phó biến đổi khí hậu, thể hiện qua chỉ tiêu phát thải CO₂/ tấn sản phẩm (trích báo cáo phát triển bền vững của công ty CP Sữa Việt Nam giai đoạn 2020-2021).

Đối với tập đoàn Bảo Việt, báo cáo phát triển bền vững giai đoạn 2020-2021 tiếp tục được áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững mới nhất, trong đó các chỉ tiêu ESG được trình bày qua các GRI 200-Vấn đề kinh tế; GRI 400-Vấn đề xã hội; GRI 300-Vấn đề môi trường với các chỉ tiêu đặc thù kết hợp với các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs), cụ thể:

Về kinh tế (G) được thể hiện qua GRI 200-Vấn đề kinh tế gồm: GRI 201; GRI 202, GRI 203 và GRI 204 kết hợp với SDG 8- Việc làm đàng hoàng và tăng trưởng kinh tế và SDG 12- Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm.

Về xã hội (S) được thể hiện qua GRI 400-Vấn đề xã hội gồm: GRI 401, GRI 404, GRI 405, GRI 413, GRI 416 và FS7 kết hợp với SDG 3- Cuộc sống khỏe mạnh, SDG 4- Giáo dục chất lượng, SDG 5- Bình đẳng giới và SDG 10- Giảm bất bình đẳng.

Về môi trường (E) được thể hiện qua GRI 300-Vấn đề môi trường gồm: GRI 302, GRI 305 và GRI 307 kết hợp với SDG 7- Năng lượng sạch và bền vững, SDG 13- Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và SDG 16- Hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh (trích báo cáo phát triển bền vững của tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2020-2021).

Báo cáo phát triển bền vững giai đoạn năm 2020 - 2021 của tập đoàn Novaland (mã chứng khoán: NVL) được trình bày riêng, xây dựng theo hình thức cốt lõi GRI (GRI Standards) của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative), ngoài ra báo cáo cũng tuân theo hướng dẫn Công bố về Môi trường và Xã hội của IFC, cũng như công bố bổ sung đối với ngành Xây dựng và bất động sản và tham chiếu đến Khung 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc.

Gắn kết với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), doanh nghiệp nhận diện và tích hợp các mục tiêu ưu tiên trọng yếu dựa trên mức độ tác động đến tổng thể hoạt động phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa với lợi ích của các bên liên quan.

Các chỉ tiêu ESG được thể hiện qua ba lĩnh vực chính là kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm: hiệu quả hoạt động phát triển bền vững; quản lý tác động của môi trường; tạo lập và chia sẻ giá trị.

Về kinh tế (G) được thể hiện qua ba phần gồm: phần 1 - Tác động kinh tế trực tiếp thể hiện qua kết quả hoạt động kinh doanh của và đóng góp cho ngân sách nhà nước; Phần 2 - Tác động kinh tế gián tiếp thể hiện qua việc đầu tư có trách nhiệm, phát triển kinh tế và phát triển du lịch bền vững thực hành và phần 3 - Mua sắm bền vững.

Về môi trường (E) được thể hiện qua bốn chỉ tiêu gồm: kiểm soát vật liệu công trình, thực hành tiết kiệm năng lượng, sử dụng nước hiệu quả và quản lý nước thải và chất thải.

Về xã hội (S) được thể hiện qua việc tạo lập và chia sẻ giá trị, các chỉ tiêu được trình bày trong các chương trình CSR nổi bật (trích báo cáo phát triển bền vững của tập đoàn Novaland giai đoạn 2020-2021).

Trong giai đoạn 2020-2021, tuy vẫn tiếp tục thực hiện tích hợp các nội dung báo cáo phát triển bền vững tóm tắt vào báo cáo thường niên, song Công ty điện Gia Lai vẫn theo sát những tiêu chuẩn quốc tế như đánh giá thể điểm quản trị chất lượng Asean 2011 và 2019, quy tắc quản trị chất lượng của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD 2015, bộ quy tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất cho các Công ty đại chúng 2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC, và đặc biệt là bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI hợp nhất 2016 để phục vụ cho việc ghi nhận và thực hiện báo cáo phát triển bền vững theo đúng chuẩn mực. Các chỉ tiêu ESG được thể hiện qua ba lĩnh vực chính là kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm:

Về môi trường (E): doanh nghiệp đã tiến hành phân tích và trình bày 16/31 tiêu chuẩn, thể hiện qua các chỉ tiêu chung bao gồm: GRI 301-Vật liệu, GRI 302-Năng lượng, GRI 303-Nước và nước thải, GRI 304-Đa dạng sinh học, GRI 305-Phát thải, GRI 306-Chất thải và GRI 308-Đánh giá nhà cung cấp về môi trường.

Về xã hội (S) thể hiện tính nhân văn cộng đồng, doanh nghiệp đã tiến hành phân tích và trình bày 11/20 tiêu chuẩn, thể hiện qua các chỉ tiêu chung bao gồm: GRI 401-Việc làm, GRI 403-An toàn và sức khỏe nghề nghiệp, GRI 404-Giáo dục và đào tạo, GRI 405-Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng và GRI 413-Cộng đồng địa phương.

Về kinh tế (G) doanh nghiệp trình bày qua ba phần gồm: phân tích hoạt động quản trị doanh nghiệp theo bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững 2021 (CSI), phân tích thể điểm thường, phân tích hoạt động quản trị doanh nghiệp dựa trên bộ nguyên tắc quản trị công ty 2019 (trích báo cáo phát triển bền vững của Công ty điện Gia Lai giai đoạn 2020-2021).

Đối công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ, hàng năm doanh nghiệp tiến hành lập và công bố báo cáo phát triển bền vững. Thông qua đó thực hiện việc trình bày, công bố và tổng kết các hoạt động của mình, thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động, đồng thời cũng đánh giá lại việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong các kế hoạch năm. Trong giai đoạn năm 2020 – 2021 báo cáo này được lập riêng biệt với báo cáo thường niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động hai năm qua cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm hướng tới phát triển bền vững cho tầm nhìn đến năm 2025. Thông qua việc gắn kết

chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững, công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ luôn bám sát thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Doanh nghiệp đã lựa chọn các mục tiêu và tích hợp chúng vào các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, cũng như xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2022-2025.

Về kinh tế (G) được thể hiện qua ba chỉ tiêu gồm: hiệu quả hoạt động kinh tế, sự hiện diện trên thị trường và tác động kinh tế gián tiếp.

Về môi trường (E) được thể hiện qua năm chỉ tiêu gồm: vật liệu, năng lượng, nguồn nước, phát thải khí nhà kính và phòng chống ô nhiễm – tuân thủ môi trường.

Về xã hội (S) được thể hiện qua sáu chỉ tiêu gồm: việc làm, an toàn sức khỏe nghề nghiệp phòng chống Covid-19, giáo dục và đào tạo, cộng đồng địa phương, an toàn và sức khỏe khách hàng, và văn hóa và truyền thống (trích báo cáo phát triển bền vững của công ty CP Sợi Thế Kỷ giai đoạn 2020-2021).

Khi mở rộng xem xét danh mục VN30 (là nhóm các công ty có vốn hóa lớn niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) về cách thức công bố các chỉ số ESG tác giả nhận thấy tỷ lệ báo cáo phát triển bền vững được trình bày riêng rất thấp (chỉ 13.33% tương ứng với 4/30 doanh nghiệp lựa chọn trình bày báo cáo phát triển bền vững riêng). Ngoài ra việc công bố thông tin về các chỉ tiêu ESG chủ yếu do doanh nghiệp tự công bố và tự chịu trách nhiệm, chỉ có một số ít có sử dụng dịch vụ kiểm toán (chỉ 10%), chi tiết được trình bày tại Bảng 1. Hầu hết các doanh nghiệp còn lại đều lựa chọn tích hợp báo cáo phát triển bền vững như một phần trong báo cáo thường niên, và hoàn toàn chưa sử dụng một dịch vụ kiểm toán chuyên nghiệp nào trên thị trường.

Bảng 1 – Tổng hợp tình hình kiểm toán báo cáo phát triển bền vững danh mục VN30 (HOSE)

Stt	Tên DN	Mã CK	Trình bày báo cáo PTBV	Đơn vị kiểm toán thông tin phi tài chính	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2019-2021
1	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	59.8%
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	26%
3	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	Trình bày riêng	Bộ phận Kiểm tra - Kiểm toán Nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt	61.3%
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	CTG	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	48.9%
5	CTCP FPT	FPT	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	38.34%
6	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	GAS	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(27.1%)
7	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	GVR	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	27.9%
8	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	79.1%
9	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	HPG	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	358%
10	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	31.4%
11	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	166%
12	CTCP Tập đoàn Masan	MSN	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	54.1%
13	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	MWG	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	27.8%

14	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL	Trình bày riêng	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	(6%)
15	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	113.4%
16	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	Trình bày riêng	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(31.7%)
17	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(13.7%)
18	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	POW	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(28.3%)
19	Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(27.2%)
20	CTCP Chứng khoán SSI	SSI	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	197.1%
21	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	39%
22	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	74%
23	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	56.1%
24	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	18.4%
25	CTCP Vinhomes	VHM	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	78.5%
26	Tập đoàn VINGROUP - CTCP	VIC	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(133.3%)
27	CTCP Hàng không Vietjet	VJC	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(98%)
28	CTCP Sữa Việt Nam	VNM	Trình bày riêng	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	0%
29	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	41.9%
30	CTCP Vincom Retail	VRE	Tích hợp vào BCTN	Chưa có dịch vụ kiểm toán	(53.9%)

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp.

5. Kết luận và giải pháp

Hai năm qua đại dịch Covid-19 đã gây rất nhiều khó khăn, tổn thất về người, kinh tế cho các doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Tuy nhiên qua bức tranh tổng thể đến từ những doanh nghiệp niêm yết trên sàn cho thấy những gam màu sáng. Trong đó hầu hết những doanh nghiệp nào có sự cam kết mạnh mẽ, bền bỉ, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững và đạt được nhiều thành tích trong việc công bố các chỉ tiêu ESG trong nhiều năm qua luôn thu hút được sự đồng hành của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó doanh nghiệp cũng đã thể hiện sự chống chịu, khả năng thích ứng và tự tạo ra được “kháng thể” trước đại dịch; duy trì ổn định hoạt động và tăng trưởng trong kinh doanh, đóng góp tích cực trong việc thực hiện mục tiêu kép. Từ đó có thể thấy, xu hướng chuyển đổi hoạt động kinh doanh dựa trên tiêu chí ESG toàn cầu có thể là lời giải cho doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới. Xu hướng đầu tư bền vững trên thế giới ngày càng được ưa chuộng, do đó việc công bố về các thông tin phi tài chính công bố trong báo cáo phát triển bền vững là một điều kiện cần để các doanh nghiệp có thể tiếp cận với nguồn vốn FDI đến từ các quỹ ESG – quỹ đầu tư theo tiêu chí ESG. Để thúc đẩy và khuyến khích các doanh nghiệp (mà trước hết cụ thể là các công ty đại chúng) công bố thông tin ESG một cách ngày càng chất lượng hơn (minh bạch và đáng tin cậy) cơ quan ban ngành chính phủ và các bên liên quan cần có những động thái rõ ràng.

Thứ nhất phải có cơ chế chấm, công bố xếp hạng báo cáo phát triển bền vững của các công ty đại chúng hàng năm. Từ đó có cơ sở tham chiếu nhằm khuyến khích những doanh nghiệp có thứ hạng cao bằng những cơ chế ưu đãi về chính sách thuế, chính sách ưu đãi khi đầu tư cũng như khi tham gia đấu thầu. Một khi các doanh nghiệp nhận thấy những lợi ích cụ thể thì việc chú trọng nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững bằng cách công bố cụ thể các chỉ tiêu ESG không còn mang tính hình thức nữa. Thứ hai, rõ ràng đây là một hoạt động còn tương đối mới ở Việt Nam nên không thể bỏ qua vai trò của các tổ chức đào tạo (bao gồm cả các trường đại học) trong việc đào tạo ra các chuyên gia có đầy đủ kiến thức không chỉ về tài chính mà còn cho các chuyên ngành về môi trường, xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Ấn tượng Top 10 doanh nghiệp làm báo cáo phát triển bền vững tốt nhất (2020), truy cập lần cuối ngày 24 tháng 5 năm 2022, từ <<https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/an-tuong-top-10-doanh-nghiep-lam-bao-cao-phat-trien-ben-vung-tot-nhat-post256704.html>>.
- Bouslah, K., Kryzanowski, L. & M'Zali, B. (2013), 'The impact of the dimensions of social performance on firm risk', *Journal of Bank & Finance*, 37, 258–1273.
- Brammer, S., Branicki, L. & Linnenluecke, M.K. (2020), 'COVID-19, societalization, and the future of business in society', *Academy of Management Perspectives*, 34(4), 493-507.
- Chang, K., Kim, I. & Li, Y. (2014), 'The heterogeneous impact of corporate social responsibility activities that target different stakeholders', *Journal of Business Ethics*, 125, 211–234.
- Cheng, B., Ioannou, I., & Serafeim, G. (2014), 'Corporate Social Responsibility and Access to Finance', *Strategic Management Journal*, 35, 1-23.
- Credit Suisse (2020), ESG investing during coronavirus and beyond, retrived on October 12th, 2022, from <<https://www.credit-suisse.com/microsites/apac/esg-conference/home/insights/esg-investing-during-coronavirus-and-beyond.html>>.
- Cotter, J., Najah, M. & Wang, S. (2011), 'Standardized reporting of climate change information in Australia', *Sustainability Accounting, Management and Policy Journal*, 2(2), 294-321.
- Eccles, N. & Viviers, S. (2011), 'The origins and meanings of names describing investment practices that integrate a consideration of ESG issues in the academic literature', *Journal of Business Ethics*, 104(3), 389-402.
- Endrikat, J., Guenther, E. & Hoppe, H. (2014), 'Making sense of conflicting empirical findings: a meta-analytic review of the relationship between corporate environmental and financial performance', *European Management Journal*, 32(5), 735-751.
- Freeman, R.E. (2010), *Strategic management: a stakeholder approach*, Cambridge University Press, Cambridge.
- Godfrey, P.C. (2005), 'The Relationship between Corporate Philanthropy and Shareholder Wealth: A Risk Management Perspective', *Academy of Management Review*, 30, 777-798.
- Godfrey, P.C., Merrill, C.B. & Hansen, J.M. (2009), 'The Relationship between Corporate Social Responsibility and Shareholder Value: An Empirical Test of the Risk Management Hypothesis', *Strategic Management Journal*, 30, 425-445.
- Gramlich, D. & Finster, N. (2013), 'Corporate sustainability and risk', *Journal of Business Economics*, 83(6), 631–664.
- Gray, J. (2012), 'Misadventures of an irresponsible investors', *Rotman International Journal of Pension Management*, 5(2), 8-13.
- Greening, D.W. & Turban, D.B. (2000), 'Corporate Social Performance as a Competitive Advantage in Attracting a Quality Workforce', *Business & Society*, 39(3), 254–280.
- Luo, X. & Bhattacharya, C. (2009), 'The Debate over Doing Good: Corporate Social Performance, Strategic Marketing Levers, and Firm-Idiosyncratic Risk', *Journal of Marketing*, 73(6), 198–213.

-
- Nguyễn Thị Minh Hằng (2020), ‘Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến người lao động tại các doanh nghiệp dịch vụ’, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 11, 31-34.
- Oikonomou, I., Brooks, C. & Pavelin, S. (2012), ‘The Impact of Corporate Social Performance on Financial Risk and Utility: A Longitudinal Analysis’, *Financial Management*, 41(2), 483–515.
- Phạm Hồng Chương và nhóm nghiên cứu (2020), ‘Tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam’, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 274, 2-13.
- Plumlee, M., Brown, D., Hayes, R.M. & Marshall, R.S. (2015), ‘Voluntary environmental disclosure quality and firm value: further evidence’, *Journal of Accounting and Public Policy*, 34, 336–361.
- Sparkes, R. (2001), ‘Ethical investment: whose ethics, which investment?’, *Business Ethics: A European Review*, 10(3), 194-205.
- Varenova, D., Samy, M. & Combs, A. (2013), ‘Corporate social responsibility: trade-off or synergy: perceptions of executives of FTSE all-share companies’, *Sustainability Accounting, Management and Policy Journal*, 4(2), 190-215.